

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## QUYỂN 6

### 11-GIẢI THÍCH MƯỜI DỤ

**KINH:** Hiểu rõ các pháp như huyễn, như sóng nắng, như trăng dưới nước, như hư không, như thành Càn-thát-bà, như mộng, như ảnh, như tiếng vang, như bóng trong gương, như hóa.

**LUẬN:** Ấy là mười thí dụ để giải thích pháp Không.

1- Như huyễn. Hỏi: Nếu tất cả pháp Không ví như huyễn thuật, thì vì sao các pháp lại có thể thấy, có thể nghe, có thể ngửi, có thể nếm, có thể xúc, có thể biết? Nếu thật không có thì không có thể thấy cho đến có thể biết? Lại nữa, nếu không mà vọng kiến là có, thế vì sao không thấy tiếng, nghe sắc? Nếu hết thấy đều không có gì, thế vì sao có cái thấy được, có cái không thấy được? Như một ngón tay, móng thứ nhất không, móng thứ hai cũng không, thế tại sao không thấy móng thứ hai mà chỉ thấy móng thứ nhất? Vậy cho biết móng thứ nhất thật có nên có thể thấy, móng thứ hai thật không nên không thể thấy?

Đáp: Các pháp tướng tuy không, cũng có phân biệt có thể thấy và không thể thấy. Ví như Voi, Ngựa huyễn hóa và các thứ khác tuy biết nó không thật, nhưng sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe, đối với sáu căn không tạp loạn. Các pháp cũng như vậy, tuy không mà có thể thấy, có thể nghe, không tạp loạn. Như kinh Đức Nữ (Therisutra) thuyết: Đức Nữ bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Như Vô minh có ở bên trong chẳng?”

Phật nói: “Không phải”.

- “Bạch, có ở bên ngoài chẳng?”

- “Không.”

- “Bạch, có ở bên trong bên ngoài chẳng?”

- “Không.”
- “Bạch Thế Tôn! Vô minh ấy từ đời trước mà đến chăng?”
- “Không”.
- “Bạch, từ đời này đến đời sau chăng?”
- “Không.”
- “Bạch, Vô minh ấy có sanh có diệt chăng?”
- “Không.”
- “Bạch Thế Tôn! Có một pháp nhất định có thật tánh gọi là Vô minh chăng?”
- “Không.”

Bấy giờ Đức Nữ lại bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu Vô minh không ở trong không ở ngoài; cũng không ở trong ở ngoài; không từ đời trước đến đời nay, từ đời nay đến đời sau; cũng không có tánh chơn thật; vậy sao nói từ Vô minh làm duyên mà có Hành cho đến các khổ tập? Bạch Thế Tôn! Ví như có cây, nếu không có gốc làm sao sanh cọng, đốt, cành, lá, hoa, quả được?”. Phật nói: “Các pháp tướng tuy không, nhưng vì kẻ phàm phu vô văn vô trí đối với các pháp sanh đủ thứ phiền não, do phiền não làm nhân duyên tạo nghiệp thân khẩu ý, do nghiệp làm nhân tác thành thân đời sau, do thân làm nhân duyên mà thọ khổ thọ vui. Ở trong đó, không có phiền não tạo tác thật sự, cũng không có thân khẩu ý nghiệp, cũng không có kẻ thọ khổ thọ vui, ví như huyễn sư huyễn làm ra các vật, ý người nghĩ sao? Các vật huyễn ấy có ở bên trong chăng?”

- “Bạch Thế Tôn, không phải.”
- “Có ở bên ngoài chăng?”
- “Bạch Thế Tôn, không.”
- “Có ở bên trong bên ngoài chăng?”
- “Bạch, không.”
- “Từ đời trước đến đời nay, từ đời nay đến đời sau chăng?”
- “Bạch, không.”
- “Các vật huyễn có sanh có diệt chăng?”
- “Bạch, không.”
- “Thật có một pháp gọi là vật huyễn chăng?”
- “Bạch, không.”

Phật nói: “Người có thấy có nghe kỹ nhạc do huyễn thuật làm ra chăng?”

- “Bạch, con cũng có nghe có thấy.”

Phật hỏi Đức Nữ: “Nếu huyễn thuật không, dối trá, không thật; làm sao từ huyễn thuật làm ra kỹ nhạc?”.

Đức Nữ bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Huyền tướng ấy là như vậy, tuy vốn không có căn bản, mà vẫn có thể nghe, thấy”. Phật nói: “Vô minh cũng như vậy, tuy không có ở bên trong, không ở bên ngoài, không có ở bên trong bên ngoài, không từ đời trước đến đời nay, từ đời nay đến đời sau, không có thật tánh, không có sanh diệt, nhưng Vô minh làm nhân duyên mà có các Hành sanh, cho đến các khổ tập hợp. Như khi huyền dứt thì vật huyền cũng dứt. Vô minh cũng vậy, Vô minh hết thì Hành cũng hết, cho đến các Khổ và Tập cũng hết”.

Lại nữa, thí dụ về huyền là chỉ cho chúng sanh hay rằng hết thấy pháp Hữu vi là trống không, không bền chắc. Như nói: các Hành như huyền, đối gạt trẻ con, hệ thuộc vào nhân duyên, không tự tại, không trụ lâu. Thế cho nên nói các Bồ-tát biết các pháp như huyền.

**1- Như ráng nắng:** Ráng nắng là khi mặt trời chiếu vào bụi trần do gió thổi động, thấy như sóng nắng giữa đồng hoang, người vô trí trông thấy bảo đó là nước, tướng nam tướng nữ cũng vậy. Ánh mặt trời của kiết sử phiền não chiếu vào bụi trần các Hành do gió tà ức niệm thổi lên, xoay chuyển trong đồng hoang sanh tử. Người không có trí tuệ cho đó là một tướng, là nam, là nữ. Thế gọi là như ráng nắng.

Lại nữa, nếu ở xa trông thấy ráng nắng tưởng là nước, đến gần không có tướng nước. Người vô trí cũng như thế. Nếu xa rời Thánh pháp, không biết lý Vô ngã, không biết các pháp không, thì với pháp âm, giới, nhập tánh không, sanh ra tướng người, tướng nam, tướng nữ. Nếu gần gũi Thánh pháp thì biết thật tướng các pháp, bấy giờ các thứ vọng tưởng hư cuồng trừ sạch. Thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như ráng nắng.

**2- Như trăng dưới nước:** Thí như trăng thật ở giữa hư không mà ảnh hiện dưới nước. Trăng thật pháp tướng ở giữa hư không của như pháp tánh, thật tế, mà trong nước tâm của người phàm lại hiện ra tướng ngã, ngã sở. Thế nên gọi là như trăng dưới nước.

Lại nữa, như trẻ con thấy trăng dưới nước, vui mừng muốn nắm lấy, người lớn thấy vậy thì cười. Người vô trí cũng như thế, do thân kiến mà thấy có tự ngã, do không có thật trí mà thấy đủ thứ pháp, thấy rồi hoan hỷ muốn nắm lấy các tướng: Tướng nam, tướng nữ v.v... Các Thánh nhân đắc đạo thì cười, như kệ nói:

*Như trăng dưới nước, nước trong nắng.*

*Trong mộng được tiền, chết cầu sống.*

*Nếu ai thật muốn được như vậy,*

*Là kẻ ngu si bị Thánh cười.*

Lại nữa, như trong nước đứng lặng trông thấy bóng trăng, khuấy

nước lên thì không thấy nữa. Trong nước tâm vô minh, đứng lặng thấy có bóng tự ngã và các kiết sử kiêu mạn. Dùng gậy trí tuệ chơn thật khuấy nước tâm lên thì không còn thấy bóng các kiết sử, tự ngã nữa. Vì thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như trăng dưới nước.

**3- Như hư không:** Chỉ có danh mà không có thật pháp, hư không chẳng phải là pháp có thể thấy, nhìn ở xa, do nhãn quan mà thấy thành màu xanh bạc. Các pháp cũng như thế, rỗng không, không có gì, do xa rời thật trí tuệ vô lậu, bỏ thật tướng nên thấy bĩ, ngã, nam, nữ, nhà cửa, thành quách, các thứ tạp vật, tâm đắm vào, như trẻ con ngựa xem trời xanh, cho là có sắc thật, có người bay lên thật xa thì hoàn toàn không thấy gì, chỉ vì nhìn xa, bảo là sắc xanh. Các pháp cũng như thế, vì thế nên nói là như hư không.

Lại nữa, như hư không tánh thường thanh tịnh nhưng vì khí u ám mà cho là bất tịnh. Các pháp cũng như thế, tánh thường thanh tịnh, vì đậm đục, sân nhuế che ám mà cho là bất tịnh, như kệ nói:

*Như trời mùa hạ, sấm chớp mưa,  
Mây mờ che khuất không trong sáng.  
Phàm phu vô trí cũng như thế,  
Các thứ phiền não thường che tâm.  
Như mặt trời mọc về mùa đông,  
Thường bị hôn khí, tuyết che ám.  
Tuy được Sơ quả và Nhị quả.  
Còn bị dục nhiễm làm che lấp.  
Hoặc như mặt trời mọc mùa xuân,  
Thường bị bóng mây làm u ám,  
Tuy lia dục nhiễm được Tam quả,  
Si, mạn dư tàn còn che tâm.  
Hoặc như mặt trời thu không mây,  
Cũng như biển cả nước thanh tịnh,  
Việc làm đã xong tâm vô lậu,  
La-hán được thanh tịnh như vậy.*

Lại nữa, hư không không có đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối; các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, như trong kinh Đại thừa, Phật nói với Tu-bồ-đề: Hư không không đời trước, cũng không đời giữa, cũng không đời sau; các pháp cũng như vậy. Kinh kia, được nói rộng trong đó. Thế nên nói các pháp như hư không.

Hỏi: Hư không thật có pháp. Vì sao? Vì nếu hư không không thật

pháp thì các động tác đưa lên, hạ xuống, đến, đi, co duỗi, ra, vào v.v... cũng không có, vì không có chỗ để chuyển động?

Đáp: Nếu pháp hư không thật có, thì hư không phải có chỗ trú. Vì sao? Vì không có chỗ trú thì không có pháp. Nếu hư không trú trong lỗ trống, ấy là hư không trú trong hư không, vì vậy không phải trú trong lỗ trống. Nếu ở trong vật đặc, mà vật đặc chẳng phải là hư không, thì không thể trú được, vì nó không dung nạp.

Lại nữa, ông nói chỗ trú là hư không, như trong vách đá đặc không có chỗ trú. Nếu không có chỗ trú thì không có hư không. Vì hư không không có chỗ trú, cho nên không có hư không. Vì vô tướng nên không có hư không. Các pháp mỗi mỗi đều có tướng, vì tướng có nên biết có pháp; như tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa, tướng động của gió, tướng biết của thức, tướng hiểu của tuệ, tướng sanh tử của thế gian, tướng vĩnh diệt của Niết-bàn; còn hư không không có tướng cho nên không.

Hỏi: Hư không có tướng, ông không biết nên nói là không. Chỗ không có sắc tướng ấy là tướng của hư không.

Đáp: Không phải! Không sắc tướng, ấy gọi là phá trừ sắc, không còn pháp gì khác, như đèn tắt; vì thế nên không có tướng hư không.

Lại nữa, pháp hư không ấy không có. Vì sao? Vì ông nhân nơi sắc mà nói chỗ không sắc tướng là tướng hư không. Nếu vậy khi sắc tướng chưa sanh thì không có tướng hư không.

Lại nữa, ông cho sắc là pháp vô thường, hư không là pháp thường, vậy khi sắc tướng chưa sanh phải trước có pháp hư không, vì là thường có. Nếu sắc tướng chưa có, thì không có chỗ vô sắc; nếu không có chỗ vô sắc, thì không có tướng hư không. Nếu không có tướng thì không pháp, vì vậy nên hư không chỉ có danh mà không có thật. Các pháp cũng như thế, chỉ có giả danh mà không thật. Vì thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như hư không.

**4- Như tiếng vang:** Ở trong núi sâu, hang hẹp, khe cùng, mà có tiếng nói, tiếng đánh đập, từ tiếng đó mà có tiếng dội lại, gọi là tiếng vang. Kẻ vô trí cho là có tiếng người nói, người trí thì suy nghĩ tiếng đó không phải là tiếng người phát ra mà chỉ do tiếng xúc chạm nên có vang dội lại. Tiếng vang không thật mà có thể lừa dối lỗ tai. Như người khi sắp muốn nói thì trong miệng có gió tên là Ưu-đà-na, nó trở vào đến rún, xúc chạm rún có tiếng vang phát ra, khi tiếng vang phát ra xúc chạm bẫy chỗ rồi lui lại, ấy là ngôn ngữ, như kệ nói:

*Gió tên Ưu-đà-na*

Chạm rún rồi đi lên,  
 Gió ấy chạm bầy chổ:  
 Gáy, lợi răng, răng môi.  
 Lưỡi, cổ họng và ngực,  
 Trong ấy phát lời nói,  
 Người ngu không hiểu thế,  
 Mê đắm khởi sân si.  
 Người bậc trung có trí,  
 Không sân cũng không đắm,  
 Cũng lại không ngu si,  
 Chỉ tùy các pháp tướng.  
 Cong, thẳng và co duỗi  
 Đi, lại hiện ngữ ngôn,  
 Đều không có tác giả,  
 Việc ấy là huyễn ư?  
 Hay là người gõ máy,  
 Hay là việc trong mộng,  
 Hay bị bệnh nóng buồn,  
 Có hay là không có?  
 Việc ấy ai biết được?  
 Người xươg ấy gân buộc,  
 Mà phát ra tiếng nói,  
 Như vàng lỏng vào nước.

Vì thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như tiếng vang.

**5- Như thành Càn-thát-bà:** Khi mặt trời mới mọc, thấy các cửa thành, lầu gác, cung điện có người đi ra đi vào, mặt trời càng lên cao nó biến mất. Thành ấy chỉ có thể mắt trông thấy mà không có thật, ấy gọi là thành Càn-thát-bà. Có người từ trước chưa thấy thành Càn-thát-bà, sáng sớm nhìn hướng Đông thấy nó, ý cho là thật vui, chạy mau đến đó, càng gần càng mất, mặt trời lên cao thì nó biến mất. Lúc rất đói khát sâu muộn, thấy khí nóng bốc lên chạy nháy như sóng nắng, cho đó là nước, chạy mau đến đó, đến gần thì biến mất, mệt nhọc cùng cực, khi đi đến trong hang hẹp núi cùng, cả kêu than khóc, nghe có tiếng dội lại cho là có cư dân, tìm kiếm hết sức mệt mà không thấy, suy nghĩ rồi tự ngộ, tâm mong ước thềm khát liền lặn dứt. Người vô trí cũng như thế, ở trong ấm, giới, nhập, không thật mà thấy tự ngã và các pháp, tâm đắm trước tham đắm, sân hận, chạy cuồng khắp nơi cầu vui tự mãn, điên đảo đối trá, cùng cực áo não. Nếu lấy trí tuệ biết không thật ngã không thật

pháp, bấy giờ liền đảo mơ ước chấm dứt.

Lại nữa, thành Càn-thát-bà chẳng phải thành, tâm người tưởng là thành. Phàm phu cũng như vậy, chẳng phải thân tưởng là thân, chẳng phải tâm tưởng là tâm.

Hỏi: Một việc cũng đủ biết, sao dùng nhiều ví dụ làm gì?

Đáp: Trước tôi đã đáp, pháp Ma-ha-diễn như nước trong biển cả, gồm hết tất cả các pháp. Ma-ha-diễn có nhiều nhân duyên nên nêu nhiều ví dụ, không lỗi gì.

Lại nữa, Bồ-tát vì lợi trí sâu xa, đủ các pháp môn, các nhân duyên, các thí dụ, hoại diệt các pháp, vì người mà giả thuyết nên cần nhiều thí dụ.

Lại nữa, trong hết thấy pháp Thanh-văn, không có thí dụ thành Càn-thát-bà, chỉ có các thí dụ về vô thường như: Sắc như bọt nước, thọ như bóng nước, tưởng như sóng nắng, hành như cây chuối, thức như huyễn và thí dụ về Không trong kinh Huyền-Võng; vì thí dụ về thành Càn-thát-bà có khác nên nói trong đây.

Hỏi: Trong pháp Thanh-văn lấy thành thí dụ thân, sao trong đây nói thí dụ thành Càn-thát-bà?

Đáp: Trong pháp Thanh-văn, thành là để thí dụ cho các duyên là thật có, chỉ thành là giả danh; còn thành Càn-thát-bà, chính các duyên cũng không có, như vòng lửa quay chỉ mê hoặc mắt người. Trong pháp Thanh-văn, vì để phá vô ngã nên lấy thành thí dụ. Còn trong đây Bồ-tát lợi căn thâm nhập trong các pháp Không, nên lấy thành Càn-thát-bà để thí dụ; vì vậy nên nói như thành Càn-thát-bà.

**7- Như mộng:** Như trong mộng không có sự thật mà thấy có thật, khi thức dậy mới biết không, trở lại tự cười mình. Người cũng như vậy, ở trong sức ngủ của các kiết sử, thật không có mà vẫn ái trước, khi được đạo giác ngộ, mới biết là không thật, cũng lại tự cười mình; vì vậy nên nói như mộng.

Lại nữa, mộng là do sức ngủ, không có pháp mà thấy là có. Người cũng như vậy, do sức ngủ của vô minh, các thứ không có mà thấy có, nào là ngã, ngã sở, nam nữ v.v...

Lại nữa, trong mộng không có việc vui mừng mà mừng, không có việc giận mà giận, không có việc sợ mà sợ. Chúng sanh trong ba cõi cũng như vậy, vì sức ngủ của vô minh nên không đáng giận mà giận, không đáng mừng mà mừng, không đáng sợ mà sợ.

Lại nữa, mộng có năm thứ: Trong thân không điều hòa, hoặc nhiệt khí nhiều, thì phần nhiều mộng thấy lửa, thấy sắc vàng, đỏ; hoặc lãnh

khí nhiều, thì phần nhiều mộng thấy nước, thấy sắc trắng; hoặc phong khí nhiều, thì phần nhiều mộng thấy bay, thấy sắc đen; hoặc thường nhớ tưởng suy nghĩ những việc từng nghe thấy, thì hay mộng thấy việc ấy; hoặc do thiên Đê-thích muốn làm cho mộng để được khiến thấy việc vị lai. Năm thứ mộng ấy đều không có thật mà vọng thấy có. Người cũng như vậy, chúng sanh trong năm đường, vì nhân duyên của lực thân kiến nên thấy bốn thứ ngã: Sắc ấm là ngã, sắc là ngã sở, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Giống như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Bốn nhân năm thành hai mươi cách chấp ngã. Khi đắc đạo thật tri tuệ giác ngộ rồi, thì biết không thật.

Hỏi: Không nên nói mộng không có thật. Vì sao? Thức tâm có đủ nhân duyên mới sanh, tâm thức trong mộng có các thứ duyên, nếu không có duyên ấy thì làm sao sanh thức?

Đáp: Không phải! Không thể thấy mà thấy; như trong mộng thấy người trên đầu có sừng, hoặc mộng thấy thân mình bay giữa hư không, nhưng người thật không có sừng, cũng không bay; thế nên không thật.

Hỏi: Thật có đầu người, ở nơi khác cũng thật có sừng, vì tâm mê lầm mà thấy trên đầu người có sừng. Thật có hư không, cũng thật có vật bay, vì tâm mê lầm mà tự thấy thân mình bay, chứ chẳng phải không thật?

Đáp: Tuy thật có người có đầu, tuy thật có sừng, nhưng thấy người trên đầu có mọc sừng, đó là vọng kiến.

Hỏi: Thế giới rộng lớn do nhân duyên đời trước mà có nhiều loại bất đồng, hoặc có thế giới khác, có người đầu mọc sừng, hoặc một tay một chân, có người cao một thước, có người cao chín thước, vậy người có sừng, có gì là kỳ quái?

Đáp: Nếu ở thế giới khác mà có sừng, có thể vậy, nhưng mộng thấy những người được biết ở thế giới này có sừng, thì không thể được.

Lại nữa, nếu có người mộng thấy ranh giới của hư không, của phương hướng, của thời gian; các việc ấy làm sao có thật? Vì chỗ nào lại không có hư không, không có phương hướng, không có thời gian? Vì vậy trong mộng không mà thấy có.

Trên kia ông vừa nói không có duyên làm sao sanh thức? Tuy không có duyên của năm trần, nhưng do niệm lực tư duy chuyển thành pháp duyên sanh. Hoặc người nghe nói có hai đầu, do lời nói đó mà sanh tưởng tượng. Trong mộng không mà thấy có cũng như thế. Các pháp cũng vậy, các pháp tuy không mà có thể thấy, có thể nghe, có thể biết, như kệ nói:



*Như mộng, như huyễn,  
Như Càn-thát-bà,  
Tất cả các pháp,  
Cũng đều như thế.*

Vì vậy nên nói các Bồ-tát biết các pháp như mộng.

**8- Như ảnh:** Ảnh chỉ có thể thấy mà không thể nắm bắt. Các pháp cũng như vậy, nhãn căn v.v... thấy, nghe, giác tri, nhưng thật không có, như kệ nói:

*Ấy thật hết tuệ,  
Khấp nơi chẳng nắm,  
Như đóng lửa lớn,  
Cũng không thể đựng,  
Pháp không thể thọ.  
Cũng không nên thọ.*

Lại nữa, như ảnh, khi có ánh sáng dội thì hiện, không dội thì không có. Các phiền não kiết sử ngăn ánh sáng chánh kiến, thì có ảnh ngã tướng, pháp tướng hiện ra.

Lại nữa, như ảnh, người đi thì đi, người động thì động, người đứng thì đứng. Ảnh nghiệp thiện ác cũng như vậy, khi đời sau đi cũng đi, khi đời này ở cũng ở, quả báo không dứt; khi tội hay phước chín muồi thì hiện ra, như kệ nói:

*Giữa không cũng đi theo,  
Trong núi đá cũng theo,  
Dưới lòng đất cũng theo,  
Trong biển nước cũng vào,  
Nơi nơi thường theo dõi,  
Nghiệp ảnh không lìa nhau.*

Vì vậy nên nói các pháp như ảnh.

Lại nữa, như ảnh không thật mà tìm cầu thật, không được. Hết thấy pháp cũng như vậy, không, không thật có.

Hỏi: Ảnh không, không có thật, việc ấy không phải vậy. Vì sao? Vì A-tỳ-đàm nói: “Thế nào gọi là sắc nhập? Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, xanh nhạt, tía, ánh sáng, minh, ảnh v.v... và ba thứ tác sắc nơi thân nghiệp; ấy gọi là sắc nhập có thể thấy”, vì sao ông nói không?

Lại nữa, thật có ảnh, vì có nhân duyên. Nhân là cây, duyên là ánh sáng, hai việc ấy hợp lại có ảnh hiện ra, sao nói là không được? Nếu không có ảnh, các pháp do nhân duyên mà có cũng đều nên là không.

Lại nữa, ảnh ấy, sắc có thể thấy: dài, ngắn, lớn, nhỏ, thô, tế, cong,

thăng, hình động ảnh cũng động, sự ấy đều thấy rõ; vì thế cho nên có ảnh?

Đáp: Ảnh thật không, không có, ông cho rằng trong A-tỳ-đàm nói có, đó là người giải thích nghĩa A-tỳ-đàm nói như vậy; thuyết một thứ pháp môn, mà người không thể hội được ý ấy, nên chấp cho là thật. Như trong Tỳ-bà-sa có thuyết nói vi trần rất nhỏ, không thể phá, không thể đốt, ấy là thường có. Lại có thuyết nói thật có pháp ở trong ba đời, từ trong vị lai ra đến hiện tại, từ hiện tại vào quá khứ, không bị mất, ấy là thường. Lại có thuyết nói các pháp hữu vi, sanh diệt đổi mới mãi không ngừng. Nếu như vậy, thì là tướng của đoạn diệt. Vì sao? Vì trước có nay không. Như vậy đủ các thứ dị thuyết, trái ngược lời Phật, không thể dẫn lời ấy làm chứng.

Nay ảnh khác với sắc pháp, sắc pháp sanh ra tất cả hương, vị, xúc v.v... ảnh thời không vậy; ấy là chẳng phải có. Như bình, do hai căn biết được, là nhãn căn và thân căn; ảnh nếu có cũng phải do hai căn biết, nhưng mà không có chuyện đó. Vì thế ảnh chẳng phải là thật vậy, chỉ là pháp lừa dối con mắt. Như cầm que lửa quay nhanh thành vòng, vòng ấy chẳng phải thật. Nếu ảnh là vật có thật, thì lý đáng có thể phá, có thể diệt, nhưng nếu hình không diệt thì ảnh không bao giờ diệt, vì thế nên không.

Lại nữa, ảnh lệ thuộc hình, không tự tại nên không, tuy không mà tâm sanh mất thấy; vì vậy nên nói các pháp như ảnh.

**9- Như bóng trong gương:** Như bóng trong gương, chẳng phải do gương làm ra, chẳng phải do mặt làm ra, chẳng phải do người cầm gương làm ra, cũng chẳng phải tự nhiên làm ra, cũng chẳng phải không nhân duyên.

Vì sao không phải do gương làm ra? Nếu mặt chưa soi đến, gương không có bóng; vì vậy nên không phải do gương làm ra.

Sao không phải do mặt làm ra? Vì không gương thì không có bóng.

Sao không phải do người cầm gương làm ra? Vì không gương, không mặt thì không có bóng.

Sao không phải tự nhiên làm ra? Nếu chưa có gương, chưa có mặt thì không có bóng, bóng phải đợi gương đợi mặt mới có, nên chẳng phải do tự nhiên làm ra.

Sao không phải không nhân duyên? Nếu không do nhân duyên thì phải thường có, nếu thường có, thì hoặc trừ gương trừ mặt ra, lý đáng có mặt xuất hiện; vì vậy nên chẳng phải không nhân duyên.

Các pháp cũng như vậy, chẳng phải tự tạo tác, chẳng phải tha tạo tác, chẳng phải cùng tạo tác, chẳng phải không nhân duyên.

Thế nào là chẳng phải tự tạo tác? Vì ngã là bất khả đắc, vì hết thấy pháp do nhân duyên sanh, không được tự tại; vì các pháp đều thuộc nhân duyên nên chẳng phải tự tạo tác.

Sao chẳng phải là tha tạo tác? Vì tự đã không có thì tha cũng không, nếu là tha tác thì mất hiệu lực của tội phước. Tha tác có hai thứ, hoặc thiện hoặc bất thiện. Nếu thiện thì lẽ nên cho tất cả đều vui, nếu bất thiện thì lẽ nên cho tất cả đều khổ; nếu khổ lạc lẫn lộn, thì vì nhân duyên gì mà cho lạc, vì nhân duyên gì mà cho khổ. Nếu cả hai cùng tạo thì có hai lỗi là tự và tha. Nếu không có nhân duyên sanh khổ vui, thì người lẽ nên thường vui, lia hết thấy khổ. Nếu không có nhân duyên thì người không nên tạo nhân vui, trừ nhân khổ. Hết thấy các pháp quyết chắc có nhân duyên, vì ngu si nên không biết. Ví như người từ nơi cây tìm lửa, từ nơi đất tìm nước, từ nơi quạt tìm gió, các loại như vậy đều có nhân duyên. Khổ lạc ấy do nhân duyên hòa hợp sanh. Nghiệp đời trước là nhân, đời nay hành động tốt, hoặc hành động tà vạy là duyên, từ đó mà có khổ vui. Các nhân duyên khổ lạc ấy, muốn tìm cái thật, thì không có người làm, không có người chịu. Là không, nhưng nắm ấm làm ra, là không, nhưng nắm ấm chịu. Người vô trí được vui thì tâm tham đắm, ái trước, bị khổ thì sanh sân nhuế. Khi vui ấy diệt, lại muốn tìm cho được. Như trẻ con thấy bóng trong gương, tâm vui mừng ái trước, bóng mất thì đập gương mà tìm; người trí chê cười. Mất vui lại cầu, cũng như vậy, cũng bị Thánh nhân đắc đạo chê cười; vì vậy nên nói các pháp như bóng trong gương.

Lại nữa, bóng trong gương thật không, không sanh không diệt, lừa dối mắt người. Hết thấy các pháp cũng như vậy, là không, không thật, không sanh không diệt, lừa dối con mắt kẻ phàm phu.

Hỏi: Bóng trong gương từ nhân duyên mà có: Có mặt, có gương, có người cầm gương, có ánh sáng, các sự ấy hòa hợp mà có bóng. Nhân bóng ấy mà sanh lo, mừng, cũng làm nhân, cũng làm quả rõ ràng, cố sao nói thật không, không sanh không diệt?

Đáp: Pháp từ nhân duyên sanh, không được tự tại, nên không. Nếu pháp thật có thì không nên từ nhân duyên sanh. Vì sao? Nếu trong nhân duyên, trước đã có pháp, thì nhân duyên thành vô dụng, nếu trong nhân duyên, trước không có pháp, thì nhân duyên cũng thành vô dụng. Thí như trong sữa, nếu trước đã có lạc (kem) thì sữa không phải là nhân duyên của lạc, vì lạc đã có trước. Nếu trước không có lạc, như trong nước

không có lạc, thì sữa ấy cũng không phải là nhân của lạc. Nếu không nhân mà có lạc, sao trong nước không sanh lạc? Nếu sữa là nhân duyên của lạc, sữa cũng không tự tại, nó cũng từ nhân duyên sanh. Sữa từ bò mà có, bò từ cỏ, nước mà có, như thế, không có giới hạn, đều có nhân duyên. Vì vậy, quả trong nhân duyên không được nói là có, không được nói là không, không được nói là vừa có vừa không, không được nói là chẳng có chẳng không. Các pháp từ nhân duyên sanh, không tự tánh, như bóng trong gương, như kệ nói:

*Nếu pháp nhân duyên sanh,  
Pháp ấy, tánh thật không,  
Nếu pháp ấy chẳng không,  
Không từ nhân duyên có.  
Thí như bóng trong gương,  
Chẳng gương cũng chẳng mặt,  
Cũng chẳng người cầm gương,  
Chẳng tự, chẳng vô nhân.  
Chẳng có cũng chẳng không,  
Cũng lại chẳng có không.  
Lời ấy cũng không nhận,  
Như vậy là Trung đạo.*

Vì vậy nên nói các pháp như bóng trong gương.

**10- Như hóa:** Mười bốn tâm biến hóa: Sơ thiên có hai là Dục giới và Sơ thiên; Nhị thiên có ba là Dục giới, Sơ thiên và Nhị thiên; Tam thiên có bốn là Dục giới, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên; Tứ thiên có năm là Dục giới, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Ấy là mười bốn tâm biến hóa làm thành tám thứ biến hóa: 1- Có thể làm nhỏ cho đến vi trần; 2- Có thể làm lớn cho đến khắp đầy hư không; 3- Có thể làm nhẹ cho đến như lông hồng; 4- Có thể tự tại, lớn làm nhỏ, dài làm ngắn, đủ thứ như vậy; 5- Có chủ lực; 6- Có thể đi đến xa; 7- Có thể chuyển động đất; 8- Tùy ý muốn đều làm được, một thân có thể thành nhiều thân, nhiều thân có thể làm một, đi qua vách đá, đi trên nước, đạp hư không, tay sờ mặt trăng mặt trời; có thể chuyển tứ đại, đất thành nước, nước thành đất, lửa thành gió, gió thành lửa, đá thành vàng, vàng thành đá.

Sự biến hóa ấy lại có bốn thứ: 1- Các cây thuốc, bảo vật ở Dục giới do huyền thuật có thể biến hóa ra các vật. 2- Các người có thần thông có thể biến hóa ra các vật. 3- Trời, rồng, quỷ thần được năng lực của sanh báo có thể biến hóa ra các vật. 4- Sanh báo ở cõi Sắc, do năng lực tu định có thể biến hóa ra các vật.

Như người biến hóa, không có sanh, già, bệnh, chết, không khổ, không vui, khác với người thường vì vậy nên không, không thật. Hết thấy pháp cũng như vậy, đều không sanh, trụ, diệt; vì vậy nên nói các pháp như biến hóa.

Lại nữa, vật biến hóa trước không có nhất định, chỉ do tâm sanh, nên có tạo tác, đều không có thật. Nhân của thân cũng như vậy, vốn không sở nhân, chỉ từ tâm đời trước sanh thân đời nay, đều không có thật; vì vậy nên nói các pháp như biến hóa. Nếu như tâm biến hóa diệt, thì vật biến hóa cũng diệt. Các pháp cũng như vậy, nhân duyên diệt thì quả cũng diệt, không tự tại.

Như sự biến hóa, tuy thật không mà có thể khiến chúng sanh sanh ưu khổ, sân nhuế, hỷ lạc, si hoặc. Các pháp cũng như vậy, tuy không, không thật, vẫn có thể khiến chúng sanh khởi tâm hoan hỷ, sân nhuế, ưu khổ v.v... vì vậy nên nói các pháp như biến hóa.

Lại nữa, như pháp từ biến hóa sanh, không đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối. Các pháp cũng như vậy, như biến hóa, khi sanh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu; các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, như tướng biến hóa, thanh tịnh như hư không, không bị nhiễm trước, không bị tội phước làm bẩn. Các pháp cũng như vậy, như pháp tánh như như, như thật tế, tự nhiên thường tịnh, thí như bốn sông lớn của Diêm-phù-đề, một sông có năm trăm sông nhỏ phụ thuộc. Trong nước ấy đủ thứ bất tịnh, nhưng khi chảy vào biển, tất cả đều thanh tịnh.

Hỏi: Không thể nói sự biến hóa là không. Vì sao? Tâm biến hóa cũng từ tu định mà đắc, từ tâm ấy làm ra các thứ biến hóa, hoặc người hoặc pháp. Sự biến hóa đó có nhân có quả, tại sao không?

Đáp: Như đã đáp ở đoạn nói về ảnh, đây sẽ đáp thêm. Nhân duyên ấy, tuy có mà quả biến hóa thì không, như miệng nói “không có gì cả”, tuy có tâm sanh miệng nói, song không thể vì có tâm có miệng mà câu nói “không có gì cả” trở thành có. Hoặc nói có đầu thứ hai, tay thứ ba, tuy từ tâm sanh miệng nói, song không thể vì thế mà nói có đầu, có tay ấy thật. Như Phật thuyết: “Quán vô sanh, từ hữu sanh mà được giải thoát, nương vô vi, từ hữu vi mà được giải thoát”. Tuy quán pháp vô sanh là không, nhưng nó có thể làm nhân duyên, vô vi cũng vậy. Biến hóa tuy không, cũng có thể làm nhân duyên mà sanh tâm. Cũng như huyễn, ráng nắng v.v... chín thí dụ tuy không mà có thể sanh các tâm.

Lại nữa, sự biến hóa không thể tìm thấy trong sáu nhân bốn duyên. Không tương ứng với trong sáu nhân bốn duyên ấy nên không.

Lại nữa, không, không phải vì không thấy nên không, mà vì nó

không có thật dụng nên nói không. Vì vậy nên nói các pháp như biến hóa.

Hỏi: Nếu các pháp đều không như mười thí dụ, vì sao chỉ lấy mười sự làm thí dụ, không lấy núi, sông, vách, đá làm thí dụ?

Đáp: Các pháp tuy không mà có phân biệt. Có thứ không khó hiểu, có thứ không dễ hiểu. Nay lấy thứ không dễ hiểu để thí dụ cho thứ không khó hiểu.

Lại nữa, các pháp có hai thứ: Có chỗ tâm đắm trước, có chỗ tâm không đắm trước. Nay lấy chỗ tâm không đắm trước để giải chỗ tâm đắm trước.

Hỏi: Sao mười thí dụ ấy là chỗ tâm không đắm trước?

Đáp: Mười thí dụ ấy không trường cửu, dễ sanh dễ diệt; vì vậy là chỗ tâm không đắm trước.

Lại nữa, có người chỉ biết mười thí dụ, là pháp lừa dối tai mắt mà không biết các pháp đều không, nên lấy nó để làm thí dụ các pháp. Nếu có người đối với mười thí dụ sanh tâm đắm trước, không hiểu rõ các thứ nạn luận, cho đó là có, thì mười thí dụ ấy thành vô dụng, hà tất phải nói các pháp môn khác.

Hỏi: Nếu các pháp đều không, chẳng sanh chẳng diệt, thì mười thí dụ ấy v.v... và các thí dụ, các nhân duyên, luận nghị, tôi đều đã biết là không. Nếu các pháp đều không, thì không nên nói thí dụ; nếu nói thí dụ, ấy chẳng là không?

Đáp: Tôi nói không là để phá các pháp hữu. Nay những lời ấy nói ra ấy nếu rằng có, thì trước đây đã phá; nếu là không, thì không nên nạn. Cũng như vị Tỳ-kheo chấp sự đưa tay lên xương: “Đại chúng tất cả im lặng”. Ấy là dùng lấy tiếng ngăn tiếng, chẳng phải tìm tiếng. Vì vậy, tuy nói các pháp không, chẳng sanh chẳng diệt, là vì thương xót chúng sanh, tuy nói, mà chẳng phải có; vì vậy nên nói các pháp như biến hóa.

**KINH:** Được vô ngại, không sợ hãi.

**LUẬN:** Trong các nhân duyên, năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập, tâm vô ngại, vô tận, vô diệt, ấy là vô ngại không sợ hãi.

Hỏi: Như trước nói các Bồ-tát ở giữa vô lượng chúng không sợ hãi, nay vì sao lại nói vô ngại không sợ hãi?

Đáp: Trước nói nhân duyên không sợ hãi, nay nói quả không sợ hãi. Ở giữa đại chúng cho đến chúng Bồ-tát nói pháp không cùng tận, luận nghị không dứt, tâm không nghi nan; vì đã được vô ngại, không sợ hãi.

Lại nữa, như trước nói ở giữa vô lượng chúng không sợ hãi, mà không biết do lực gì nên không sợ hãi; vì vậy nên lại nói tiếp không sợ

hãi là do được lực vô ngại.

Hỏi: Nếu các Bồ-tát cũng có vô ngại, không sợ hãi, vậy Phật với Bồ-tát có gì khác?

Đáp: Như tôi nói ở trước, các Bồ-tát tự có lực không sợ hãi, nên ở giữa các pháp không sợ hãi, chứ không phải ở giữa Phật không sợ hãi.

Lại nữa, pháp vô ngại có hai thứ: Một là khắp mọi nơi, hai là không khắp mọi nơi. Như vào một kinh thư cho đến vào trăm ngàn kinh thư vô ngại, hoặc vào trong một chúng, hoặc vào trong trăm ngàn chúng không sợ hãi. Các Bồ-tát cũng như vậy, ở trong trí tuệ vô ngại, chứ không phải ở trong trí tuệ Phật. Như lúc Phật quăng chiếc bát giữa hư không, năm trăm ngàn A-la-hán và Di-lặc các Bồ-tát đều không lấy được. Các Bồ-tát cũng như vậy, trong tự lực thì vô ngại, mà trong trí tuệ của Phật thì có ngại, vì vậy nên nói các Bồ-tát được vô ngại, không sợ hãi.

*KINH*: Khắp biết tâm hành chúng sanh đi về đâu, dùng trí vi diệu mà độ thoát.

*LUẬN*: Hỏi: Thế nào khắp biết tâm hành chúng sanh?

Đáp: Biết tâm chúng sanh đi đến nơi nào trong các pháp, như ánh sáng mặt trời khắp chiếu, Bồ-tát khắp biết chỗ xu hướng của tâm hành chúng sanh mà giáo hoá, rằng hết thấy chúng sanh xu hướng có hai, một là tâm thường đi tìm vui, hai là trí tuệ phân biệt, biết được tốt xấu. Người chớ đi theo tâm ái trước, mà nên đi theo trí tuệ, nên tự trách tâm mình: "Người vô số kiếp lại đây, tập hợp các nghiệp tạp nhiễm, không biết nhàm đủ, mà chỉ dong ruổi theo khoái lạc thế gian, không biết là khổ. Người không thấy thế gian khoái lạc mà gây ra hoạn khổ, thọ sanh trong năm đường, đều do tâm tạo, đâu phải ai khiến vậy. Người như voi cuồng, dẫm đạp tàn hại, không bị móc câu chế ngự, ai điều phục người. Nếu được điều phục hay, thì xa lìa đại khổ ở đời. Nên biết ở trong thai bất tịnh, khổ ách giống như địa ngục. Đã sanh ra ở đời, già, bệnh, chết, khổ, ưu bi muôn mối. Nếu sanh lên trời, sẽ bị đọa lạc trở lại. Ba cõi không an, người vì sao mà vui đắm?" Quở trách tâm mình như thế, thể không chạy theo, ấy là Bồ-tát biết tâm hành của chúng sanh.

Hỏi: Thế nào gọi là dùng trí tuệ vi diệu mà độ thoát? Trong đây thế nào gọi là trí tuệ vi diệu? Thế nào gọi trí tuệ thô thiển?

Đáp: Xảo tuệ của thế gian, ấy gọi là trí tuệ thô thiển. Thực hành bố thí, trí giới, thiền định, gọi là trí tuệ vi diệu.

Lại nữa, trí của bố thí là trí tuệ thô thiển; trí của giới, định gọi là trí tuệ vi diệu. Lại nữa, trí của giới, định là trí tuệ thô thiển; trí của thiền định gọi là trí tuệ vi diệu. Lại nữa, trí của thiền định là trí tuệ thô thiển.

Không chấp vào thiên định gọi là trí tuệ vi diệu. Lại nữa, thủ các pháp tướng là trí tuệ thô thiển; đối với các pháp tướng không thủ không xả, gọi là trí tuệ vi diệu. Lại nữa, phá vô minh các phiền não, được các pháp tướng, ấy là trí tuệ thô thiển; nhập vào như pháp tướng, cũng như vàng ròng không tổn không mất, cũng như kim-cương không phá không hoại, lại như hư không không nhiễm không trước, ấy gọi là trí tuệ vi diệu. Vô lượng trí tuệ như vậy, các Bồ-tát tự được, lại giáo hoá chúng sanh; vì vậy nên nói các Bồ-tát biết chỗ đến của tâm hành chúng sanh, dùng trí tuệ vi diệu mà độ thoát.

-----o0o-----